

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2022/HS-ST
Ngày 09-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thảo và ông Bùi Văn Thiệu

Thư ký Tòa án: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Đặng Xuân C**, sinh năm 1997 tại Hưng Yên. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở: Không cố định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (*học vấn*): lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Xuân A và bà Phạm Thị H; bị cáo chưa có vợ con; là con thứ ba trong gia đình; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HS-ST ngày 31/7/2017, Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/4/2019*); Tại bản án hình sự sơ thẩm số 106/2019/HS-ST ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/7/2020*); nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2014/HS-ST ngày 25/3/2014, Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại bản án hình sự sơ thẩm số 63/2014/HS-ST ngày 06/8/2014, Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 01 năm cải tạo không giam giữ bằng 04 tháng tù tại bản án số 28/2014/HS-ST ngày 25/3/2014. Buộc chấp hành hình phạt chung là 02 năm 07 tháng tù (*Các hành vi bị xét xử tại bản án số 28/2014/HS-ST ngày 25/3/2014 và bản án số 63/2014/HS-ST ngày 06/8/2014, Đặng Xuân C là người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng*); bị cáo bị bắt tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 11/02/2022 đến nay theo lệnh bắt bị can để tạm giam số 14 ngày 10/02/2022 của cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hải Dương (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. **Nguyễn Thị Thuỳ L**, sinh năm 1987 tại Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (*học vấn*): lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị M; có chồng là Nguyễn Văn H; bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 140/2017/HS-ST ngày 15/5/2017, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Huỷ hoại tài sản” (*Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/4/2019, nộp án phí ngày 18/8/2017*); bị cáo bị bắt tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 01/4/2022 đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

* Người tham gia tố tụng khác:

- Người bị hại: Chị Hà Thị V, sinh năm 1985; Nơi thường trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện tại: T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt - vắng mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hà Tiến D, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (*vắng mặt*).

- Người làm chứng:

+ Anh Dương Việt T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (*vắng mặt*).

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1955; địa chỉ: Ngõ 5, phố N, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*).

+ Cháu Trương Thị Th, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện tại: Thôn K, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 80/CT-VKSNDTPHD ngày 25/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Đặng Xuân C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thuỳ L về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự với căn cứ:

Đặng Xuân C và Nguyễn Thị Thuỳ L có quan hệ quen biết, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có nơi ở cố định. Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 09/10/2021, C và L đi bộ vào khu vực phố N, phường T, thành phố H với mục đích tìm thuê nhà trọ. Khi đến khu vực ngõ 5 phố N, C bảo L đứng ngoài đợi còn C đi vào ngõ 5 nơi có khu nhà trọ, tại đây C phát hiện cuối khu nhà trọ có dựng nhiều xe máy và thấy có phòng trọ mở cửa (là phòng trọ của chị Hà Thị V) nên C đi vào phòng trọ lấy chùm chìa khoá để trên mặt bệ xây ốp gạch đá hoa, đi đến vị trí chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO màu trắng cắm chìa khoá vào mở thử thì mở được. C đã rút chìa khoá cầm trên tay đi ra chỗ L bảo L “*Chồng*

vào nhà bạn chơi đá, đợi chồng”. L không đợi C mà đi bộ ra ngoài phố N còn C quay lại khu trọ dong chiếc xe máy ra ngoài ngõ, nổ máy đi ra phố N đón L rồi chở L ra quốc lộ 5. Trên đường đi C nói với L chiếc xe máy là do C vừa trộm cắp được và chở L vào một quán sửa xe, C mượn cà lê và tự tháo biển số xe máy cho vào trong cốp xe rồi tiếp tục chở L về nhà C tại Hưng Yên. Sau đó, C nhờ Dương Việt S là bạn xã hội tìm người mua xe nên S đã giới thiệu cho Hà Tiến D. Ngày 16/10/2021 D đã mua chiếc xe này với giá 3.000.000 đồng. Trước khi bán xe cho D, C đã vớt biển số xe xuống khu vực sông Sắt tại huyện B, tỉnh Hải Dương. Số tiền bán xe C dùng chi tiêu chung với L trong sinh hoạt hết. Sau khi mua xe D đã thay phần vỏ nhựa bên ngoài từ màu trắng thành màu đỏ và sử dụng xe để đi lại đến ngày 14/11/2021 bị lực lượng cảnh sát giao thông công an huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên kiểm tra do vi phạm hành chính.

Tại kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐGTS ngày 13/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố Hải Dương kết luận: Giá trị của 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu ESPERO do Việt Nam sản xuất, màu sơn: Trắng, bạc, số khung B5PEKA454435, số máy 39MB3454435, biển số 36AB-074.xx, xe mua mới tháng 6 năm 2019, tại thời điểm 09/10/2021 là $12.575.000 \times 80\% = 10.060.000$ đồng (mười triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

Bị cáo Đặng Xuân C thừa nhận vào khoảng hơn 13 giờ 30 phút, ngày 09/10/2021, tại khu nhà trọ ngõ 5, phố N, phường T, thành phố H; C không bàn bạc gì với L, là người một mình thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu ESPERO là tài sản của chị Hà Thị V để tại sân khu trọ có giá trị là 10.060.000 đồng. Bị cáo nhất trí với kết luận định giá tài sản; thể hiện thái độ ăn năn hối cải; công nhận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng.

Bị cáo Nguyễn Thị Thuỳ L thừa nhận: Mặc dù việc C không bàn bạc và một mình thực hiện hành vi trộm cắp L không biết. Tuy nhiên, sau khi trộm cắp được C nói nên L biết C là người thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy nhưng không tố giác hành vi của C tới các cơ quan pháp luật là hành vi không tố giác tội phạm. Bị cáo L xác định cáo trạng mô tả và truy tố bị cáo về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự là đúng.

Người bị hại chị Hà Thị V đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy. Chị V tự nguyện không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường phần vỏ nhựa của chiếc xe đã bị thay thế, đồng thời cũng không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường chi phí, lệ phí cấp lại biển số xe.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà Tiến D tự nguyện không yêu cầu bị cáo C phải hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng đã bỏ ra mua xe cũng như không đề nghị nhận lại giá trị phần vỏ nhựa đã thay thế.

Tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Xuân C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Thị Thuỳ L phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Xuân C từ 27 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 11/02/2022.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 390; điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thuỳ L từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 01/4/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với bị cáo Đặng Xuân C.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Tiếp tục quản lý 01 đĩa DVD lưu giữ hình ảnh trích xuất từ camera.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự đối với bị cáo Đặng Xuân C; buộc bị cáo Nguyễn Thị Thuỳ L phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

Các bị cáo nhất trí luận tội không tham gia tranh luận, không thể hiện lời nói sau cùng và không có đề nghị gì với Hội đồng xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định được:

Đối với bị cáo Đặng Xuân C:

Khoảng hơn 13 giờ 30 phút, ngày 09/10/2021, tại khu nhà trọ ở ngõ 5, phố N, phường T, thành phố H; bị cáo Đặng Xuân C là người một mình thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu ESPERO là tài sản của chị Hà Thị V để tại sân khu trọ có giá trị 10.060.000 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thuỳ L: Sau khi Đặng Xuân C một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Mặc dù Nguyễn Thị Thuỳ L biết nhưng không tố giác hành vi của C tới các cơ quan pháp luật là hành vi không tố giác tội phạm.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với đơn trình báo của người bị hại, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh trích xuất từ camera, biên bản giải trình hình ảnh camera, vật chứng thu giữ. Các chứng cứ nêu trên phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản ghi lời

khai các bị cáo, biên bản hỏi cung các bị cáo, biên bản ghi khai của người bị hại, biên bản ghi lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản ghi lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Đặng Xuân C đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị Hà Thị V. Bị cáo C là người nhiều lần bị kết án, đã tái phạm chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, bị cáo C bị Viện kiểm sát truy tố và bị đưa ra xét xử về tội danh “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” là đủ căn cứ, đúng người thực hiện hành vi phạm tội và đúng pháp luật. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thuỳ L không được C bàn bạc về việc trộm cắp tài sản từ trước nhưng sau khi C thực hiện hành vi trộm cắp đã nói cho L biết nhưng L không tố giác hành vi của C tới các cơ quan pháp luật. Do C thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự nên Nguyễn Thị Thuỳ L bị Viện kiểm sát truy tố và bị đưa ra xét xử về tội danh “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Khoản 1 Điều 390 của Bộ luật hình sự là đủ căn cứ, đúng người thực hiện hành vi phạm tội và đúng pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo Đặng Xuân C và Nguyễn Thị Thuỳ L thực hiện hành vi cấu thành tội phạm độc lập nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm độc lập đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản thân các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Đặng Xuân C chiếm đoạt tài sản giá trị dưới 50 triệu đồng nhưng phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm nên bị truy tố theo định khung tại Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về căn cứ quyết định hình phạt.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo xét thấy: Bị cáo Đặng Xuân C và Nguyễn Thị Thuỳ L đều là những đối tượng có nhân thân xấu, không có nơi cư trú ổn định; bị cáo Đặng Xuân C phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện thì mới có đủ tác dụng giáo dục.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm bị cáo Nguyễn Thị Thuỳ L thực hiện không quy định hình phạt bổ sung; đối với bị cáo Đặng Xuân C là người không có nghề nghiệp, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Chiếc xe máy đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại chị Hà Thị V tự nguyện không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường phần vỏ nhựa của chiếc xe đã bị thay thế, đồng thời cũng không yêu cầu bồi thường chi phí, lệ phí cấp lại biển số xe đã bị mất nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà Tiến D tự nguyện không yêu cầu bị cáo C phải hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng đã bỏ ra mua xe, cũng như không đề nghị nhận lại giá trị phần vỏ nhựa đã thay thế nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra giải quyết.

[9] Về biện pháp tư pháp:

Đối với chiếc xe máy, nhãn hiệu ESPERO do Việt Nam sản xuất, màu sơn: Trắng, bạc, số khung B5PEKA454435, số máy 39MB3454435 cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại chị Hà Thị V là phù hợp nên không đặt ra giải quyết.

Đối với 01 đĩa DVD lưu giữ hình ảnh trích xuất từ camera được xác định là tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên tiếp tục cho lưu giữ tại hồ sơ.

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị cáo Đặng Xuân C là đối tượng thuộc hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[12] Về các vấn đề khác:

Hành vi của anh Dương Việt S giới thiệu cho anh Hà Tiến D mua chiếc xe máy của C. Tuy nhiên, anh S khi giới thiệu và anh D khi mua chiếc xe máy không biết đây là tài sản do Đặng Xuân C trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của anh S và anh D là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm h, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Xuân C.

Căn cứ Khoản 1 Điều 390; điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 19; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Thuý L.

Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với cả hai bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Xuân C phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Thị Thuý L phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Đặng Xuân C **33 (ba mươi ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/02/2022.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thuý L **10 (mười)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/4/2022.

3. Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thuý L phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Xuân C.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Đặng Xuân C và Nguyễn Thị Thuý L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại chị Hà Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT công an TP Hải Dương;
- Cơ quan THAHS công an TP Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Đội HSNV Công an TP Hải Dương;
- Trại tạm giam– Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền

